

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
gói thầu mua thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2023
của Bệnh viện đa khoa huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược; Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; Thông tư số 05/2015/TT-BYT ngày 17/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc đông y, thuốc từ dược liệu và vị thuốc y học cổ truyền thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế; Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá; Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 20/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 2556/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về quản lý điều hành ngân sách địa phương năm 2023; Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023; Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc giao nhiệm vụ tổ chức lựa chọn nhà thầu mua thuốc trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 314/TTr-SYT ngày 08/11/2023; Báo cáo thẩm định ngày 01/11/2023 của Hội đồng thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua thuốc sử dụng nguồn quỹ bảo hiểm y tế do các cơ sở y tế tự tổ chức lựa chọn nhà thầu (Thành lập theo Quyết định số 891/QĐ-SYT ngày 19/7/2023 của Giám đốc Sở Y tế); Tờ trình số 49/TTr-BVĐK ngày 13/10/2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Sông Mã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (theo Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Y tế có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn Bệnh viện đa khoa huyện Sông Mã tổ chức thực hiện quy trình mua sắm đảm bảo theo đúng pháp luật quy định hiện hành và các văn bản quy định khác liên quan; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Chủ tịch UBND tỉnh về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu về nội dung thẩm định, trình duyệt. Chủ động tổ chức thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện sai phạm (nếu có) báo cáo UBND tỉnh kịp thời để xem xét, quyết định.

2. Bệnh viện đa khoa huyện Sông Mã chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đấu thầu, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ, Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019, Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 20/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế và các quy định hiện hành về đấu thầu. Chịu trách nhiệm toàn diện về hồ sơ, số liệu, nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc trình Chủ tịch UBND tỉnh, các kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan giám sát việc thi hành pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Y tế, Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Sông Mã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KGVX_S.Hùng.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Tráng Thị Xuân



Phụ lục I

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GÓI THẦU MUA THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN NĂM 2023

Đơn vị: Bệnh viện đa khoa huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La

theo Quyết định số: 2411 /QĐ-UBND ngày 17 / 11 /2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

| S T T | Tên gói thầu | Giá gói thầu | Nguồn vốn | Hình thức lựa chọn nhà thầu | Phương thức lựa chọn nhà thầu | Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện hợp đồng |
|----------------------|--|--|---|--|--|--|------------------------------|---|
| 1 | Gói thầu mua thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (gồm: 39 mặt hàng, trong đó: Nhóm 2: 37, Nhóm 3: 2). | 5.732.470.000 đồng (<i>Bằng chữ: Năm tỷ, bảy trăm ba mươi hai triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng</i>) | Nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác | Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng | Một giai đoạn một túi hồ sơ | Trong tháng 11 năm 2023 | Hợp đồng trọn gói | 12 tháng, kể từ ngày Ký hợp đồng |

Phụ lục II



PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GÓI THẦU MUA THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN NĂM 2023

Đơn vị: Bệnh viện đa khoa huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La

theo Quyết định số: 2411/QĐ-UBND ngày 17 / 11 /2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

| ST T | STT trong TT 05 | Tên thành phần của thuốc | Nhóm TCKT | Đường dùng | Dạng bào chế | Đơn vị tính | Số lượng | Giá kế hoạch (VND) | Thành tiền |
|------|-----------------|--|-----------|------------|----------------------|-----------------|----------|--------------------|-------------|
| 1 | 2 | Hoắc hương/ Quảng hoắc hương, Tía tô/ Tử tô diệp, Bạch chỉ, Bạch linh/Phục linh, Đại phúc bì, Thương truật, Hậu phác, Trần bì, Cam thảo, Bán hạ/ Bán hạ chế, (Cát cánh, Can khương). | Nhóm 3 | Uống | Viên | Viên | 50.000 | 1.450 | 72.500.000 |
| 2 | 5 | Xuyên khung, Bạch chỉ, Hương phụ, Quế, gừng, Cam thảo bắc. | Nhóm 3 | Uống | Bột/Cốm/Hạt pha uống | Gói/Chai/Lọ/Túi | 10.000 | 2.750 | 27.500.000 |
| 3 | 9 | Actiso, Cao mật lợn khô, Tỏi, Than hoạt tính. | Nhóm 3 | Uống | Viên nang | Viên | 40.000 | 2.499 | 99.960.000 |
| 4 | 12 | Actiso, Sài đất, Thương nhĩ tử, Kim ngân, Hạ khô thảo. | Nhóm 3 | Uống | Viên | Viên | 40.000 | 900 | 36.000.000 |
| 5 | 13 | Bạch mao căn, Đương quy, Kim tiền thảo, Xa tiền tử, ý dĩ, Sinh địa | Nhóm 3 | Uống | Viên | Viên | 20.000 | 2.050 | 41.000.000 |
| 6 | 18 | Cao khô lá dâu tằm | Nhóm 4 | Uống | Viên nang | viên | 70.000 | 2.499 | 174.930.000 |
| 7 | 37 | Kim tiền thảo, Râu mèo | Nhóm 3 | Uống | Viên nang | Viên | 30.000 | 1.450 | 43.500.000 |
| 8 | 37 | Kim tiền thảo, Râu ngô. | Nhóm 3 | Uống | Viên | Viên | 30.000 | 231 | 6.930.000 |
| 9 | 38 | Kim tiền thảo, Trạch tả, (Thục địa), (Đường kính trắng). | Nhóm 3 | Uống | Viên hoàn cứng | Gói/Chai/Lọ/Túi | 20.000 | 4.494 | 89.880.000 |
| 10 | 44 | Nhân trần, Bồ công anh, Cúc hoa, Actiso, Cam thảo, Kim ngân hoa. | Nhóm 3 | Uống | Viên nang | Viên | 30.000 | 1.990 | 59.700.000 |
| 11 | 65 | Hy thiêm, Thiên niên kiện | Nhóm 3 | Uống | Viên hoàn cứng | Gói/Chai/Lọ/Túi | 30.000 | 2.200 | 66.000.000 |
| 12 | 72 | Mã tiền chế, Thương truật, Hương phụ tứ chế, Mộc hương, Địa liên, Quế chi. | Nhóm 3 | Uống | Viên nang | Viên | 20.000 | 1.710 | 34.200.000 |
| 13 | 76 | Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung, Thiên niên kiện, Ngu tấu, Hoàng kỳ, Đỗ trọng, (Mã tiền). | Nhóm 3 | Uống | Viên nang | Viên | 10.000 | 1.760 | 17.600.000 |
| 14 | 81 | Bạch truật, Mộc hương, Hoàng liên, Cam thảo, Bạch linh, Đảng sâm, Thàn khúc, Trần bì, Sa nhân, Mạch nha, Sơn tra, Hoài sơn/Sơn dược, Nhục đậu khấu. | Nhóm 3 | Uống | Viên hoàn cứng | Gói/Chai/Lọ/Túi | 15.000 | 3.500 | 52.500.000 |



| | | Tên thành phần của thuốc | Nhóm TCKT | Đường dùng | Dạng bào chế | Đơn vị tính | Số lượng | Giá kế hoạch (VND) | Thành tiền |
|----|-----|--|-----------|------------|----------------------------------|-----------------|----------|--------------------|-------------|
| 15 | 82 | Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đẳng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhãn), (Đại táo). | Nhóm 3 | Uống | Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống | Chai/Lọ/Túi/Ống | 6.000 | 37.980 | 227.880.000 |
| 16 | 95 | Lá khô, Dạ cẩm, Cỏ hàn the, Khô sâm, Ô tặc cốt. | Nhóm 3 | Uống | Viên nang | Viên | 10.000 | 1.700 | 17.000.000 |
| 17 | 98 | Men bia ép tinh chế | Nhóm 3 | Uống | Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống | Ống/Túi/Chai/Lọ | 15.000 | 2.500 | 37.500.000 |
| 18 | 103 | Ngưu nhĩ phong, La liễu | Nhóm 4 | Uống | Viên | Viên | 50.000 | 7.800 | 390.000.000 |
| 19 | 110 | Phòng đẳng sâm, Thương truật, Hoài sơn, Hậu phác, Mộc hương, Ô tặc cốt, Cam thảo. | Nhóm 3 | Uống | Bột/Cốm/Hạt pha uống | Gói/Chai/Lọ/Túi | 40.000 | 3.150 | 126.000.000 |
| 20 | 126 | Đẳng tâm thảo, Táo nhân, Thảo quyết minh, Tâm sen. | Nhóm 3 | Uống | Viên nang | Viên | 15.000 | 2.100 | 31.500.000 |
| 21 | 127 | Đỉnh lăng, Bạch quả, (Đậu tương). | Nhóm 3 | Uống | Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống | Chai/Lọ/Túi/Ống | 10.000 | 69.000 | 690.000.000 |
| 22 | 128 | Địa long, Hoàng kỳ, Đương quy, Xích thực, Xuyên khung, Đào nhân, Hồng hoa. | Nhóm 3 | Uống | viên hoàn cứng | Gói/Chai/Lọ/Túi | 100.000 | 3.200 | 320.000.000 |
| 23 | 129 | Đương quy, Bạch quả. | Nhóm 3 | Uống | Viên nang | Viên | 200.000 | 1.400 | 280.000.000 |
| 24 | 133 | Hồng hoa, Đương quy, Sinh địa, Sài hồ, Cam thảo, Xích thực, Xuyên khung, Chỉ xác, Ngưu tất, Bạch quả, | Nhóm 3 | Uống | Viên nang | Viên | 50.000 | 2.268 | 113.400.000 |
| 25 | 135 | Lá sen, Lá vông/Vông nem, Lạc tiên, (Tâm sen), (Bình vôi), (Trinh nữ). | Nhóm 3 | Uống | Viên | Viên | 20.000 | 900 | 18.000.000 |
| 26 | 136 | Lạc tiên, Vông nem, Lá dâu/Tang diệp. | Nhóm 3 | Uống | Viên nang | Viên | 15.000 | 1.300 | 19.500.000 |
| 27 | 149 | Cát cánh, Kinh giới, Tử uyển, Bách bộ, Hạnh nhân, Cam thảo, Trần bì, Mạch môn. | Nhóm 3 | Uống | Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống | Chai/Lọ/Túi/Ống | 3.000 | 19.000 | 57.000.000 |
| 28 | 151 | Lá thường xuân | Nhóm 3 | Uống | Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống | Chai/Lọ/Túi/Ống | 5.000 | 52.248 | 261.240.000 |
| 29 | 156 | Sinh địa, Mạch môn, Huyền sâm, Bối mẫu, Bạch thực, Mẫu đơn bì, Cam thảo. | Nhóm 3 | Uống | Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống | Chai/Lọ/Túi/Ống | 10.000 | 31.983 | 319.830.000 |
| 30 | 173 | Bột bèo hoa dâu | Nhóm 3 | Uống | Viên nang | Viên | 100.000 | 1.900 | 190.000.000 |
| 31 | 173 | Bột bèo hoa dâu | Nhóm 3 | Uống | Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống | Chai/Lọ/Túi/Ống | 10.000 | 45.000 | 450.000.000 |
| 32 | 175 | Câu đẳng, Thiên ma, Hoàng cầm, Đỗ trọng, Bạch phục linh, Thạch quyết minh, Ngưu tất, Ích mẫu, Tang ký sinh, Sơn chi, Dạ giao đằng, (Hòe hoa). | Nhóm 3 | Uống | Viên nang | Viên | 50.000 | 2.650 | 132.500.000 |



| | | Tên thành phần của thuốc | Nhóm TCKT | Đường dùng | Dạng bào chế | Đơn vị tính | Số lượng | Giá kế hoạch (VND) | Thành tiền |
|--|-----|---|-----------|------------|----------------------------------|-----------------|----------|--------------------|----------------------|
| 33 | 181 | Hà thủ ô đỏ/Nguu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm). | Nhóm 3 | Uống | Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống | Chai/Lọ/Túi/Ống | 5.000 | 39.400 | 197.000.000 |
| 34 | 181 | Hà thủ ô đỏ/Nguu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm). | Nhóm 3 | Uống | Viên nang | Viên | 200.000 | 3.100 | 620.000.000 |
| 35 | 192 | Thổ miết trùng, Hồng hoa, Tự nhiên đồng, Long não, Hạt dưa chuột, Tục đoạn, Tam thất, Đương quy, Lạc tân phụ. | Nhóm 3 | Uống | Viên nang | Viên | 50.000 | 3.150 | 157.500.000 |
| 36 | 208 | Tân di/Tân di hoa, Cáo bản, Bạch chi, Phòng phong, Tế tân, Xuyên khung, Thăng ma, Cam thảo. | Nhóm 3 | Uống | Viên nang | Viên | 10.000 | 1.900 | 19.000.000 |
| 37 | 211 | Thục địa, Hoài sơn, Đan bì/Đơn bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Bạch phục linh/Phục linh, Trạch tả, Sơn thù, Câu kỷ tử, Cúc hoa. | Nhóm 3 | Uống | Viên hoàn cứng | Gói/Chai/Lọ/Túi | 30.000 | 3.402 | 102.060.000 |
| 38 | 213 | Thương nhĩ tử, Hoàng kỳ, Bạch chi, Phòng phong, Tân di hoa, Bạch truật, Bạc hà, Kim ngân hoa. | Nhóm 3 | Uống | Viên nang | Viên | 40.000 | 2.499 | 99.960.000 |
| 39 | 219 | Địa liền, Thương truật, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Long não. | Nhóm 3 | Dùng ngoài | Thuốc dùng ngoài | Gói/Chai/Lọ/Túi | 1.000 | 33.400 | 33.400.000 |
| | | Tổng cộng: 39 mặt hàng | | | | | | | 5.732.470.000 |
| Số tiền bằng chữ: Năm tỷ, bảy trăm ba mươi hai triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng. | | | | | | | | | |